

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
 Giao thông vận tải số 3046/2003/
 QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003 về
 việc ban hành Quy chế cấp giấy
 phép khai thác cảng hàng
 không, sân bay.

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
 VẬN TẢI**

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng
 Việt Nam ngày 26/12/1991 và Luật sửa
 đổi, bổ sung một số điều Luật Hàng
 không dân dụng Việt Nam ngày 20/4/1995;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP
 ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy
 định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
 cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng
 không Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
 định này Quy chế cấp giấy phép khai
 thác cảng hàng không, sân bay.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực
 sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ
 trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục

Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các
 cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách
 nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thủ trưởng

NGUYỄN TIẾN SÂM

**QUY CHẾ cấp giấy phép khai thác
 cảng hàng không, sân bay**

*(ban hành kèm theo Quyết định
 số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày
 15/10/2003 của Bộ trưởng Bộ
 Giao thông vận tải).*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng
 áp dụng

1. Quy chế này quy định trình tự, thủ
 tục, điều kiện cấp, cấp lại, bổ sung, sửa
 đổi, thu hồi, hủy bỏ và quản lý giấy phép
 khai thác cảng hàng không, sân bay phục
 vụ hoạt động hàng không dân dụng tại
 Việt Nam.

2. Đối tượng được cấp giấy phép khai
 thác cảng hàng không, sân bay là các tổ
 chức được thành lập theo quy định của
 pháp luật, có chức năng, nhiệm vụ quản

lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và có đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, chuyên môn, tổ chức khai thác theo quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không.

Điều 2. Điều kiện để khai thác cảng hàng không, sân bay

Các tổ chức được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế này chỉ được phép tổ chức khai thác các cảng hàng không, sân bay cho mục đích dân dụng sau khi được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Việc thẩm định, phê duyệt, cấp, cấp lại, bổ sung, sửa đổi, thu hồi, hủy bỏ giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay phải được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Thỏa mãn đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành về cơ sở vật chất, chuyên môn, nghiệp vụ của Việt Nam.

2. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam chưa quy định thì áp dụng các tiêu chuẩn, khuyến cáo thực hành có liên quan của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO).

Điều 4. Lệ phí

1. Tổ chức được khai thác cảng hàng không, sân bay phải nộp lệ phí về thẩm định và cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

2. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí về thẩm định và cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cảng hàng không* là một tổ hợp công trình bao gồm sân bay, nhà ga và trang bị, thiết bị, công trình mặt đất cần thiết khác được sử dụng cho tàu bay đi và đến, thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng không.

2. *Sân bay* là một phần xác định trên mặt đất hoặc mặt nước được xây dựng để đảm bảo cho tàu bay cất, hạ cánh và di chuyển.

3. *Tàu bay* bao gồm máy bay, tàu lượn, khí cầu và những thiết bị bay tương tự khác có thể được nâng giữ trong không quyển nhờ tác động tương hỗ với không khí.

4. *Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay* là một phần của hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay, bao gồm những thông tin cần thiết về cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật.

5. *Chủ khai thác cảng hàng không, sân bay* là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Đối với các cảng hàng không, sân bay do Cục Hàng không Việt Nam quản lý, chủ khai thác cảng hàng không, sân bay là các Cụm cảng hàng không khu vực.

6. Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay là giấy phép do Cục Hàng không Việt Nam cấp cho các chủ khai thác cảng hàng không, sân bay để tiến hành các hoạt động khai thác tại cảng hàng không, sân bay.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 6. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

Việc cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn về thiết kế cảng hàng không, sân bay bao gồm khu bay, hệ thống trang thiết bị dẫn đường, thông tin liên lạc, hệ thống giám sát, hệ thống trang thiết bị phù trợ quan sát, hệ thống các trang thiết bị mặt đất, nhà ga, đài chỉ huy, các công trình phù trợ khác.

2. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm khai thác - bảo trì, đảm bảo an ninh, cứu hỏa, cứu thương,

quản lý chương ngại vật, kế hoạch khẩn nguy, kiểm soát và hạn chế động vật hoang dã, xử lý các tình huống bất trắc.

3. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn về quản lý, điều hành bay bao gồm không lưu, không báo, khí tượng hàng không, tìm kiếm cứu nạn.

4. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn về năng định của các nhân viên khai thác cảng hàng không, sân bay.

5. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường bao gồm tiếng ồn, xử lý chất thải.

Điều 7. Hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm:

a) Đơn xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay. Nội dung đơn xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm các nội dung cơ bản sau:

i) Các thông tin chung như mục đích, căn cứ pháp lý, cấu trúc của tài liệu, các điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khai thác.

ii) Thuyết minh tổng quát về cảng hàng không, sân bay, các sơ đồ về vị trí, mặt bằng tổng thể, các phân khu chức năng, hệ thống các trang thiết bị.

096 327

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
LawSoft

iii) Thuyết minh chi tiết về cảng hàng không, sân bay theo quy định phải được công bố trong các tài liệu, bản tin không báo (AIS).

iv) Thuyết minh về quy trình khai thác, các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cảng hàng không, sân bay: quy trình báo cáo, quy định ra vào cảng hàng không, sân bay, cứu hỏa, tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch khẩn nguy sân bay, quy trình kiểm tra giám sát các hoạt động trong cảng hàng không, sân bay, các công trình tại cảng hàng không, sân bay, các công trình đang xây dựng, quy trình kiểm tra giám sát đảm bảo tĩnh không sân bay, quy trình xử lý các tình huống bất trắc, quy trình phối hợp hiệp đồng giữa các tổ chức tham gia khai thác sân bay.

v) Thuyết minh về quản lý, điều hành cảng hàng không, sân bay và hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay bao gồm sơ đồ tổ chức, tên, vị trí, chức trách chính, số điện thoại của tất cả các cán bộ chủ chốt tại cảng hàng không, sân bay; cấu trúc, sơ đồ tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân chủ chốt liên quan đến công tác đảm bảo an toàn tại sân bay; nội dung của hệ thống quản lý an toàn cảng hàng không, sân bay.

2. Chủ khai thác cảng hàng không, sân bay phải nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy chế này cho Cục Hàng không Việt Nam. Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay, Cục Hàng không Việt Nam có

trách nhiệm trả lời cho chủ khai thác về tính hợp lệ của hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 8. Thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Cục Hàng không Việt Nam sử dụng các cơ quan chuyên môn trực thuộc để tổ chức thẩm định hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết có thể mời chuyên gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong và ngoài ngành hàng không tham gia thẩm định. Nội dung thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định tại Điều 9 và căn cứ theo các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

3. Nếu các nội dung nêu trong hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do và hướng dẫn chủ khai thác bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ đảm bảo đủ các điều kiện được quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Chủ khai thác có trách nhiệm hoàn chỉnh, bổ sung theo hướng dẫn trong thời hạn do Cục Hàng không Việt Nam quy định nhưng không quá 15 ngày. Việc kiểm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ

tiếp tục được tiến hành lần 2 theo đúng các bước quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy chế này. Nếu các nội dung nêu trong hồ sơ sau khi được hoàn chỉnh, bổ sung vẫn không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định đóng cửa tạm thời hoặc đình chỉ hoạt động của cảng hàng không, sân bay.

Điều 9. Nội dung thẩm định hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Thẩm định các yếu tố liên quan tới việc khai thác bay:

a) Vùng phụ cận cảng hàng không, sân bay.

b) Khoảng cách, vị trí, các tác động về mặt khai thác bay với các sân bay khác, kể cả các sân bay quân sự.

c) Các chướng ngại vật, địa hình - địa vật.

d) Những yêu cầu về hạn chế khai thác.

e) Các khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay.

g) Các phương thức bay.

h) Tác động môi trường.

2. Thẩm định Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay:

a) Việc tuân thủ về nội dung của tài

liệu khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

b) Tính chính xác của các thông tin chứa đựng trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

c) Số lượng, năng lực, tính năng kỹ thuật, khai thác, chất lượng của các hệ thống phương tiện, công trình, trang thiết bị.

d) Tính khả thi của hệ thống quản lý an ninh, an toàn sân bay, bao gồm:

i) Cơ cấu, tổ chức của các cơ quan liên quan đến an ninh, an toàn hàng không.

ii) Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ nhân viên làm nhiệm vụ khai thác, bảo dưỡng, đảm bảo an ninh, an toàn sân bay.

iii) Quy trình tổ chức quản lý, khai thác, bảo dưỡng cảng hàng không, sân bay.

iv) Quy trình giám sát, kiểm tra việc thực thi công tác đảm bảo an ninh, an toàn cảng hàng không, sân bay.

v) Quy trình phối hợp, hiệp đồng giữa sân bay và các tổ chức có liên quan.

vi) Quy trình huấn luyện tại chỗ, quy trình kiểm tra, sát hạch, cấp chứng chỉ hành nghề cho các nhân viên.

Điều 10. Cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ

khi chấp thuận báo cáo thẩm định bằng văn bản của các cơ quan chuyên môn, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam ra Quyết định phê duyệt Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay và cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế này.

2. Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay được ghi vào Sổ Đăng bạ cảng hàng không, sân bay dân dụng Việt Nam.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan về cảng hàng không, sân bay được cấp giấy phép khai thác.

Điều 11. Thời hạn hiệu lực của giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp và có thể được cấp lại, bổ sung, sửa đổi hoặc thu hồi, hủy bỏ theo quy định tại Chương III của Quy chế này.

Chương III

CẤP LẠI, BỔ SUNG, SỬA ĐỔI, THU HỒI, HỦY BỎ GIẤY PHÉP KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 12. Cấp lại giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay khi hết hiệu lực có thể được cấp

lại. Trình tự cấp lại được thực hiện theo đúng các bước đã tiến hành khi cấp lần đầu. Thời gian chủ khai thác trình nộp hồ sơ xin cấp lại giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay chậm nhất là 60 ngày trước khi giấy phép hết hạn. Mẫu đơn xin cấp lại giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Bổ sung, sửa đổi giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay được bổ sung, sửa đổi trong các trường hợp sau đây:

a) Có sự thay đổi về quyền quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Có sự thay đổi về mục đích hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Khi xảy ra trường hợp quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, chủ khai thác phải trình Cục Hàng không Việt Nam hồ sơ xin bổ sung, sửa đổi giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay bao gồm đơn theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy chế này và Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay gồm những nội dung cần bổ sung, sửa đổi.

3. Việc kiểm tra, thẩm định và phê duyệt hồ sơ xin bổ sung, sửa đổi giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy chế này.

Điều 14. Thu hồi tạm thời, hủy bỏ giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay bị thu hồi tạm thời tối đa không quá 60 ngày khi chủ khai thác vi phạm một trong các quy định sau:

a) Không cập nhật thông tin trong Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Vi phạm chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này.

c) Vi phạm một trong những tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 của Quy chế này và gây ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn bay theo quy định của pháp luật.

Việc thu hồi tạm thời giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay chấm dứt khi Cục Hàng không Việt Nam xác định những vi phạm nêu trên đã được chủ khai thác khắc phục.

3. Giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Cảng hàng không, sân bay không còn đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế này; hoặc

b) Cảng hàng không, sân bay không được khai thác hoặc ngừng khai thác trong thời hạn từ 12 tháng trở lên; hoặc

c) Quá thời hạn quy định nêu trong quyết định thu hồi tạm thời giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay mà chủ khai thác vẫn không khắc phục được các vi phạm.

4. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định đóng cửa tạm thời hoặc đình chỉ hoạt động của các cảng hàng không, sân bay bị hủy bỏ giấy phép khai thác.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 15. Duyệt trì các điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay

Chủ khai thác được cấp giấy phép khai thác có trách nhiệm:

a) Tổ chức và quản lý bộ máy nhân sự, đảm bảo đủ năng lực quản lý, khai thác an toàn cảng hàng không, sân bay.

b) Duy trì và phát triển cơ sở vật chất cảng hàng không, sân bay đáp ứng các điều kiện quy định tại Quy chế này và các tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam thừa nhận.

Điều 16. Chế độ báo cáo và cập nhật thông tin

1. Chủ khai thác được cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay phải thường xuyên cập nhật thông tin về những thay đổi thực tế của cảng hàng không, sân bay vào tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

2. Chủ khai thác được cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay phải thường xuyên báo cáo Cục Hàng không Việt Nam định kỳ 3 tháng một lần vào đầu tháng của quý sau hoặc đột xuất theo yêu cầu về các nội dung sau:

a) Tình hình khai thác cảng hàng không, sân bay.

b) Những thay đổi (nếu có) trong tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

Chương V

KIỂM TRA, THANH TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 17. Kiểm tra, thanh tra

1. Cục Hàng không Việt Nam thực hiện kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các cảng hàng không, sân bay được cấp giấy phép khai thác theo quy định của pháp luật.

2. Chủ khai thác có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kiểm tra, thanh tra đối với các cảng hàng không, sân bay liên quan. Chủ khai thác hoặc người được ủy quyền của chủ khai thác phải có mặt tại nơi tiến hành hoạt động kiểm tra, thanh tra.

Điều 18. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác, tùy

theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

1. Tổ chức, tuyên truyền, triển khai thực hiện các quy định của Quy chế này.

2. Quy định chi tiết về mặt kỹ thuật đối với Tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay.

3. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải về tình hình thực hiện Quy chế. Đề xuất, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế nếu thấy cần thiết trong quá trình thực hiện.

4. Báo cáo, xin ý kiến Bộ Giao thông vận tải về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền trong quá trình tổ chức thực hiện./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

NGUYỄN TIẾN SÂM

PHỤ LỤC 1
MẪU ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(ban hành kèm theo Quyết định số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

(Tên chủ khai thác)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

ĐƠN XIN CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG/SÂN BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chế cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay; *(Tên chủ khai thác), có trụ sở tại, quận (huyện)...., thành phố (tỉnh) được thành lập theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của ..(tên tổ chức thành lập) làm đơn này kính đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét:*

1/ Phê duyệt Tài liệu khai thác cảng hàng không/sân bay được gửi kèm theo.

2/ Cấp giấy phép khai thác cảng hàng không/sân bay với các nội dung sau:

- Tên cảng hàng không/sân bay
- Vị trí, tọa độ
- Tên chủ khai thác
- Mục đích khai thác
- Năng lực khai thác

(Tên chủ khai thác) cam kết sau khi được cấp giấy phép khai thác sẽ thực hiện việc quản lý, khai thác cảng hàng không/sân bay theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

(Tên chủ khai thác)
 (Chức danh người đại diện)

Ký tên
 (Đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
MẪU GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(ban hành kèm theo Quyết định số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
 MINISTRY OF TRANSPORT
 CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26/12/1991 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20/4/1995;

In reference with the Law on Civil Aviation of Vietnam dated 26 December 1991 and the Law on amendment of and supplement to some articles of the Law on Civil Aviation of Vietnam dated 20 April 1995;

Căn cứ Quy chế cấp giấy phép khai thác cảng hàng không, sân bay ban hành kèm theo Quyết định số ngày ...tháng ...năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

In reference with the Regulations of airport/aerodrome certificate granting promulgated with the Decision number.... date... month ... 2003 of Minister of Transport,

CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
CIVIL AVIATION ADMINISTRATION OF VIETNAM

cấp (grants)

GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TÊN CẢNG HÀNG KHÔNG/SÂN BAY
NAME OF AIRPORT/AERODROME

Tọa độ (Vĩ độ/Kinh độ)
(Latitude/Longitude)

cho (to)

Tên chủ khai thác
Name of operator

Cục Hàng không Việt Nam có quyền thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép khai thác này nếu (tên chủ khai thác) không tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Civil Aviation Administration of Vietnam has the right to suspend or cancel this airport certificate at any time where the (name of operator) fail to comply with the existing Regulations on airport/aerodrome operation and management.

Giấy phép khai thác này không được chuyển giao và có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp.

This certificate is not transferable and shall remain in effect for 5 years from the date granted.

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

Hà Nội, date... month... year

Cục trưởng

Director General

Cục Hàng không Việt Nam

Civil Aviation Administration of Vietnam

Số /CHK

Number...../CHK

(Ký tên) (*Signature*)

(Đóng dấu) (*Seal*)

PHỤ LỤC 3
MẪU ĐƠN XIN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

*(ban hành kèm theo Quyết định số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).*

(Tên chủ khai thác)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG/SÂN BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ giấy phép khai thác cảng hàng không/sân bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp ngày...tháng...năm...;

(Tên chủ khai thác), có trụ sở tại, quận (huyện)..., thành phố (tỉnh) làm đơn này kính đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét bổ sung, sửa đổi giấy phép khai thác cảng hàng không/sân bay với các nội dung sau:

- Tên cảng hàng không/sân bay
- Vị trí, tọa độ
- Tên chủ khai thác
- Mục đích khai thác bổ sung, sửa đổi (nếu có)
- Năng lực khai thác bổ sung, sửa đổi (nếu có)

(Tên chủ khai thác) cam kết thực hiện đúng các nội dung quy định trong giấy phép khai thác được sửa đổi, bổ sung và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

(Tên chủ khai thác)

Chức danh

Ký tên

(Đóng dấu)

PHỤ LỤC 4
MẪU ĐƠN XIN CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

(ban hành kèm theo Quyết định số 3046/2003/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

(Tên chủ khai thác)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày tháng năm

ĐƠN XIN CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC
CẢNG HÀNG KHÔNG/SÂN BAY

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ giấy phép khai thác cảng hàng không/sân bay do Cục Hàng không Việt Nam cấp ngày...tháng...năm...;

(Tên chủ khai thác), có trụ sở tại, quận (huyện)...., thành phố (tỉnh) làm đơn này kính đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xem xét:

1/ Phê duyệt Tài liệu khai thác cảng hàng không/sân bay được gửi kèm theo

2/ Cấp lại giấy phép khai thác cảng hàng không/sân bay với các nội dung sau:

- Tên cảng hàng không/sân bay
- Vị trí, tọa độ
- Tên chủ khai thác
- Mục đích khai thác
- Năng lực khai thác

(Tên chủ khai thác) cam kết sau khi được cấp giấy phép khai thác sẽ thực hiện việc quản lý, khai thác cảng hàng không/sân bay theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

(Tên chủ khai thác)

Chức danh

Ký tên

(Đóng dấu)